

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN Q  
TỈNH HÀ GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 02/2021/HSST  
Ngày 23/01/2021

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Q, TỈNH HÀ GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa:* Ông Cao Danh Nhân

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Trung Dũng và ông Vũ Văn Học.

+ *Thư ký phiên tòa:* Ông Vũ Hữu Toàn - Thư ký Tòa án.

+ *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Q, tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa:* Ông Hồ Lý Xuân - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Quản B, tỉnh Hà Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 01/2021/TLST-HS, ngày 06 tháng 01 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2021/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 01 năm 2021 đối với các bị cáo:

1. **Tấn Dâu Q** (tên gọi khác: Không); Sinh năm 1985 tại xã Q, huyện Q, tỉnh Hà Giang; Nơi cư trú: Thôn D, xã Q, huyện Q, tỉnh Hà Giang; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Giới tính: Nam; Trình độ học vấn: 0/12; Dân tộc: Dao; Quốc tịch Việt Nam; Tôn giáo: Không; Con ông: Tấn Chín L: sinh năm 1957 (đã chết) và bà Phan Thị M: sinh năm 1955; gia đình có 6 anh chị em ruột, bị cáo là con thứ năm; Vợ là: Sùng Thị D, sinh năm 1982 có 03 con, con lớn nhất 16 tuổi, nhỏ nhất 10 tuổi; Tiền án: không; tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 21/10/2020 hiện nay đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Q, tỉnh Hà Giang. Có mặt

2. **Vàng Mí S** (tên gọi khác: Không); sinh năm: 1986 tại xã T, huyện Đ, tỉnh Hà Giang; Nơi cư trú: Thôn H, xã T, huyện Đ, tỉnh Hà Giang; Nghề nghiệp: Làm nương; Giới tính: Nam; Trình độ học vấn: 0/12; Dân tộc: Mông; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Con ông: Vàng Nỏ D, sinh năm 1946 (đã chết) và bà Sùng Thị M, sinh năm 1956 (đã chết); gia đình có 4 anh chị em ruột, bị cáo là con thứ ba; Vợ là Vừ Thị M, sinh năm 1973 không có con.

Nhân thân: Bản án số 23/2013 ngày 23/4/2013 của TAND tỉnh H xử phạt bị cáo 5 năm tù về tội mua bán người, đến ngày 05/12/2016 bị cáo chấp hành xong hình phạt. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 22/10/2020 hiện nay đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Quản B, tỉnh Hà Giang. Có mặt

*Người bào chữa cho các bị cáo:* Ông Cao Xuân Bé – Luật sư cộng tác viên Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Hà Giang. Có mặt

*Bị hại:* Ông Lò Dìn Q, sinh năm 1961; Trú tại: Thôn D, xã Q, huyện Quản B, tỉnh Hà Giang. Có mặt.

Người phiên dịch cho bị hại: Anh Lý Văn P. Trú tại thôn D, xã Q, huyện Q, Hà Giang. Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Cháu Tẩn Thị L, sinh năm 2008. Người giám hộ: chị Ly Thị H, đều trú tại thôn D, xã Q, huyện Q, tỉnh Hà Giang. Có mặt

+ Chị Trần Thị X, sinh năm 1972, trú tại: Tổ 2 phường T, thành phố. H, tỉnh Hà Giang. Có đơn xét xử vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 16/10/2020, Tẩn Dâu Q và Vàng Mí S được anh Nguyễn Văn V nhận vào làm thuê tại ruộng hoa hồng thuộc thôn Đ, xã Q, huyện Q. Đến ngày 17/10/2020, vườn hoa hồng của anh V không còn việc làm nên Q và S ở nhà chơi, uống rượu đến tối. Trong lúc ăn cơm, uống rượu Tẩn Dâu Q rủ Vàng Mí S đi ăn trộm bò nhà ông Lò Dìn Q, trú tại thôn D, xã Q, huyện Q, Q nói *“đi làm công thế này thu nhập không cao, ở đây có nhà ông Q cùng thôn này có một con bò, nhà toàn người già, đi trộm bò đem bán kiếm được nhiều tiền hơn”*, S đồng ý và đề nghị *“mổ bò lấy thịt đi bán dễ hơn”*. Sau khi bàn bạc, thống nhất xong, đến ngày 18/10/2020, Q và S điều khiển mỗi người một xe mô tô xuống thành phố Hà Giang tìm chỗ tiêu thụ thịt bò tại khu vực chợ thành phố Hà Giang. Tại đây, Q và S gặp chị Trần Thị X làm nghề bán thịt bò tại chợ thành phố H. Q nói với chị X *“Chị ơi, em mổ bò bán trắng có ở chợ phiên, còn thịt bò loại ngon chị có mua không?”* chị X trả lời: *“Cứ mang xuống đây, nếu ngon thì sẽ mua”* và ghi số điện thoại vào một tờ giấy đưa cho Q. Sau đó Q và S về nhà của Q tại thôn D, xã Q, huyện Q.

Khoảng 14 giờ, ngày 20/10/2020, Q dùng điện thoại Iphone của con gái là Tẩn Thị L cho chị X hẹn tối sẽ mổ bò và đem thịt xuống bán, chị X đồng ý và hẹn mua với giá là 250.000 đồng/1kg thịt bò, Q đồng ý và nói cho S biết về giá tiền. Sau đó Q đi chuẩn bị các công cụ như dao, đèn pin, túi nilon, bao tải, dây cao su để tối mổ thịt bò. Khoảng 17 giờ cùng ngày, Q và S điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Wave Alpha BKS: 23L1-03371 còn S điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Lifan, loại xe Win BKS: 23N1-03260 đi theo hướng từ thôn D, xã Q, huyện Q đi thôn S, xã T, huyện Q để tìm vị trí, địa điểm giết, mổ thịt bò. Khi đi Q và S mang theo 02 con dao, 02 bao tải màu vàng, 04 túi nilon loại lớn, 01 đoạn dây chun cao su màu đen, 01 đèn pin dạng đèn đội đầu, những đồ vật này đều được Q chuẩn bị từ trước, lấy tại nhà của Q. Sau khi đi được 500m, Q và S thấy bên trái đường có một đồi cỏ voi um tùm, Q và S đi vào trong khoảng 20m để kiểm tra thì thấy một bãi đất trống, thuận lợi để giết, mổ bò. Vì vậy Q và S chọn đây làm vị trí để giết, mổ bò lấy thịt. Sau đó Q và S để lại các công cụ đã chuẩn bị từ trước tại vị trí chọn để mổ bò rồi Q và S điều khiển xe mô tô đi theo hướng thôn S, xã T, huyện Q khoảng 100m nữa thì dừng lại và cất giấu xe vào bên cạnh đường. Sau khi cất giấu xe xong, Q và S ngồi chơi ở đó đến khoảng 20 giờ cùng ngày thì cả hai đi bộ xuống gần nhà ông Lò Dìn Q và tiếp tục ngồi chờ. Đến khoảng 22 giờ cùng ngày thì Q và S đi bộ vào khu vực chuồng bò nhà ông Lò Dìn Q, tại đây cả hai cùng nhau khiêng 01 cái máng gỗ cho bò ăn chấn ở cửa

chuồng ra vị trí khác, Q tháo 01 thanh gỗ chắn ở cửa chuồng bò, S đi vào trong chuồng dùng dây thừng buộc con bò và dắt con bò đi ra khỏi chuồng rồi dắt đi đến vị trí giết mổ mà Q và S đã xác định từ trước thì S buộc con bò đã trộm được vào một gốc cây chè rồi dùng túi nilon đã chuẩn bị từ trước bịt vào phần mõm và mũi bò, Q dùng đoạn dây cao su buộc chặt lại để con bò không thở được. Khoảng 15 phút sau thì con bò chết ngạt và ngã xuống đất, S dùng 01 con dao màu đen cắt vào phần cổ con bò để máu chảy ra cho con bò chết hẳn. Sau đó S tiếp tục dùng dao để lọc phần thịt ở đùi trước của con bò, khi lọc được 10cm thì Q ngăn lại và nói: *“Mày lọc thế này thì hỏng hết thịt”*. Khi Q nói vậy thì S đưa dao cho Q tiếp tục lọc thịt, S chuyển sang dùng 01 con dao màu trắng để cùng Q tiếp tục lọc thịt bò. Sau khi lọc xong 04 chân bò, Q và S tiếp tục lọc lấy phần thịt trên thân bò và cắt thêm quả tim bò. Q dùng dao cắt hai cẳng chân trước bỏ lại hiện trường rồi Q và S cho các phần thịt bò, quả tim bò vào trong 04 túi nilon đã chuẩn bị từ trước rồi cho vào 02 bao tải màu vàng, mỗi bao tải 02 túi nilon. Sau đó, Q và S vác mỗi người 01 bao tải thịt bò ra phía đường đi và đặt bên lề đường rồi đi bộ đến vị trí đã giấu xe để lấy mỗi người 01 chiếc xe mô tô quay trở lại vị trí để lấy thịt bò, dùng dây cao su có sẵn trên xe buộc mỗi xe 01 bao tải thịt bò rồi điều khiển xe mô tô đi ra hướng quốc lộ 4c và đi về thành phố H, tỉnh Hà Giang.

Q và S đến chợ thành phố H lúc đó khoảng 03 giờ 15 phút ngày 21/10/2020, sau đó Q gọi điện thoại cho chị X và chờ đến khoảng 03 giờ 30 phút thì chị X đến. Sau khi chị X xem thịt bò xong thì chị X cho rằng thịt bò buộc vào túi nilon kín thì thịt bò bị trắng, khó bán, nên chị X thỏa thuận mua với giá 150.000 đồng/kg thịt bò loại A và 100.000 đồng/kg thịt bò loại B. Sau khi cân tịnh trừ xương thịt bò loại A còn 40kg và thịt bò loại B là 16kg. Bán thịt xong, Q và S vứt 02 bao tải và 04 túi nilon vào thùng rác tại khu vực chợ thành phố H, không nhớ rõ vị trí nào, 02 con dao và đèn pin đội đầu thì Q mang về nhà. Tổng số tiền Q và S bán thịt bò được là 7.600.000 đồng (*bảy triệu sáu trăm nghìn đồng*), Q và S chia nhau mỗi người 3.500.000 đồng (*ba triệu năm trăm nghìn đồng*) trước, còn lại 600.000 đồng (*sáu trăm nghìn đồng*) Q và S dùng để chi tiêu dọc đường trở về nhà. Sau khi ăn sáng, rửa xe, bơm xăng xe xong còn lại 350.000 đồng (*ba trăm năm mươi nghìn đồng*), Q và S cùng nhau đi vào trung tâm huyện B với ý định tìm việc làm nhưng không có ai thuê. Vì vậy Q và S tiếp tục chia nhau số tiền 350.000 đồng còn lại, Q được 200.000 đồng (*hai trăm nghìn đồng*), S được 150.000 đồng (*một trăm năm mươi nghìn đồng*). Sau đó Q đi xe máy trở về nhà tại thôn D, xã Q, huyện Q, trên đường về nhà Q tiêu hết thêm 200.000 đồng (*hai trăm nghìn đồng*), khi về đến nhà Q còn 3.500.000 đồng (*ba triệu năm trăm nghìn đồng*). S đi từ huyện B về nhà tại thôn H, xã T. huyện Đ, trên đường về S tiếp tục tiêu hết 2.650.000 đồng (*hai triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng*) vào mục đích cá nhân, khi về đến nhà S chỉ còn 1.000.000 đồng (*một triệu đồng*).

Khi Q vừa về đến nhà thì bị lực lượng Công an mời lên trụ sở thôn để làm việc, tại đây Q đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình cùng Vàng Mí S.

Tang vật vụ án bị thu giữ:

- Thu giữ tại hiện trường 01 dây thừng có chiều dài 3,7m; 01 dây cao su có kích thước 22x3cm.

- Quá trình điều tra, các bị cáo đã tự nguyện giao nộp:

+ 01(một) xe mô tô nhãn hiệu Wave Alpha (honda), BKS 23L1-033.71, màu sơn đen bạc của T.

+ 01(một) xe mô tô nhãn hiệu Lifan, loại xe win, màu sơn đen, BKS 23N1-032.60 của Vàng Mí S.

+ 01(một) chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số: 005054, số máy H3L1SA001622, Số khung: HNHYA1001622, bị cáo Sá đã mua của anh Hầu Mí T.

+ 01(một) chiếc điện thoại nhãn hiệu Nokia màu đen nâu, đã cũ của Tần Dâu Q.

+ 01(một) chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone(s) mặt trước máy màu trắng, mặt sau màu hồng, điện thoại đã cũ của Tần Thị L.

+ 01(một) chiếc điện thoại di động, nhãn hiệu Masstel, màu xanh đen, loại điện thoại bàn phím của Vàng Mí S đã qua sử dụng.

+ 01(một) dây cao su màu đen, dài 4,95m, rộng 1cm, dày 0,3cm, một đầu gắn móc bằng kim loại.

+ 01(một) dây cao su màu đen, có kích thước dài 4,38m, rộng 0,8cm, dày 0,8cm.

+ Tiền mặt: Tiền ngân hàng Việt Nam 4.500.000 đồng (*bốn triệu năm trăm nghìn đồng*).

- Qua khám xét chỗ ở của Tần Dâu Q thu giữ:

+ 01(một) con dao bằng kim loại màu đen, đã qua sử dụng; chiều dài 40cm, lưỡi dao cong, nhọn, bản rộng nhất 06cm; chuôi dao liền.

+ 01(một) con dao bằng kim loại màu trắng, đã qua sử dụng, chiều dài 32cm; chiều rộng, bản dao: 09cm; phần chuôi dao ốp bằng gỗ có chiều dài 12cm; trên bản dao sát về phía đầu có 01 (một) lỗ tròn đường kính 01cm.

+ 01(một) đèn pin màu đen, đã qua sử dụng, dạng đèn đội đầu có 03(ba) dây dẫn màu đen.

Tại kết luận định giá tài sản số 16/KL-HĐĐG ngày 27/10/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự: Giá trị tài sản là 01 con bò trị giá 21.500.000 đồng (*hai một triệu năm trăm nghìn đồng*).

Đối với bị hại ông Lò Dìn Q: Sáng ngày 21/10/2020 khi ngủ dậy ông phát hiện con bò nhà ông không còn ở trong chuồng nữa, ông đã có đơn trình báo lên cơ quan công an xã Q, huyện Q sau đó các bị cáo đã bị phát hiện và bắt giữ, thu được vật chứng của vụ án.

Về phần dân sự. Ông Lò Dìn Q yêu cầu các bị cáo Tần Dâu Q và Vàng Mí S phải bồi thường giá trị con bò là 25.000.000 đồng (*hai mươi năm triệu đồng*). Hiện nay nếu được trả lại 4.500.000,đ ông đề nghị các bị cáo phải bồi thường cho ông 21.500.000,đ, các bị cáo nhất trí.

Tại phiên tòa các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có lời khai phù hợp với các lời khai tại cơ quan điều tra và những chứng cứ có trong vụ án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Trần Thị X vắng mặt tại phiên tòa không có lời trình bày bổ sung.

Tại bản Cáo trạng số 01/CT-VKSQB ngày 04/01/2021, Viện kiểm sát nhân dân huyện Q, tỉnh Hà Giang đã truy tố các bị cáo Tần Dâu Q, Vàng Mí S về tội: “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như cáo trạng đã truy tố, thừa nhận hành vi của mình là phạm tội và tỏ thái độ ăn năn hối cải.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố các bị cáo: Tần Dâu Q, Vàng Mí S phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Về hình phạt: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng. Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo Q được hưởng tình tiết: Thành khẩn khai báo, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, là người dân tộc thiểu số sống ở vùng có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn cần áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Tần Dâu Q từ 12 đến 15 tháng tù. Đối với bị cáo S được hưởng tình tiết giảm nhẹ: Thành khẩn khai báo, thuộc hộ nghèo, là người dân tộc thiểu số sống ở vùng có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn, cần áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Vàng Mí S từ 15 đến 18 tháng tù. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự, khoản 1 Điều 585, khoản 1 Điều 586, Điều 587 và khoản 1 Điều 589 đề nghị các bị cáo phải bồi thường giá trị con bò cho bị hại. Cụ thể: Bị cáo Q phải bồi thường 9.000.000,đ, bị cáo S phải bồi thường 11.500.000,đ.

Về vật chứng: Áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự, khoản 2 điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự đề nghị Hội đồng xét xử:

Tịch thu tiêu hủy 01 dây thừng chiều dài 3,7m; 03 dây cao su màu đen; 02 con dao màu bằng kim loại, đã qua sử dụng; 01 đèn pin màu đen, đã qua sử dụng, 01 chiếc điện thoại Nokia, 01 chiếc điện thoại Masstel. Tịch thu số tiền 4.500.00,đ để trả cho bị hại.

Trả lại 01 chiếc điện thoại Iphone(s) cho Tần Thị L , 01 xe mô tô nhãn hiệu Wave & (honda) BKS: 23L1-033.71 cho bị cáo Tần Dâu Q; 01 xe mô tô nhãn hiệu Lifan, loại xe Win, BKS: 23N1-03260 và 01 giấy đăng ký xe mô tô mang tên Hầu Mí T cho bị cáo Giàng Mí S.

Trợ giúp viên pháp lý có quan điểm bào chữa cho 2 bị cáo nhất trí quan điểm của KSV tại phiên tòa xét xử về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự là đúng quy định của pháp luật. Nguyên nhân dẫn đến phạm tội các bị cáo là người dân tộc thiểu số sống ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn, hiểu biết pháp luật hạn chế nên đã thực hiện hành vi phạm tội, trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo ăn năn hối cải, thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình, các bị cáo phạm tội lần đầu . Từ những lập luận trên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt các bị cáo 12 tháng tù. Về vật chứng đề nghị trả lại xe máy, điện thoại cho các bị cáo. Về trách nhiệm dân sự phải bồi thường cho bị hại.

Tại phiên tòa, các bị cáo không có tranh luận với đại diện Viện kiểm sát, nhất trí quan điểm của người bào chữa. Đại diện VKS đối đáp với người bào chữa bị cáo S không được hưởng tình tiết giảm nhẹ phạm tội lần đầu. Người bào chữa và đại diện VKS đề nghị Hội đồng xét xử xem xét. Bị hại đề nghị xử lý hành vi của các bị cáo theo quy định của pháp luật và nhất trí được nhận lại số tiền 4.500.000,đ như quan điểm của Viện kiểm sát và yêu cầu hai bị cáo phải bồi thường số tiền 21.500.000,đ. Khi được nói lời sau cùng các bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về tố tụng: Xét tính hợp pháp của hành vi, quyết định tố tụng: Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử của Điều tra viên, Kiểm sát viên, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Quản Bạ và Viện kiểm sát nhân dân huyện Q; Điều tra viên, kiểm sát viên đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục của Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo không có khiếu nại về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng và cơ quan tiến hành tố tụng giải quyết vụ án. Tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Trần Thị X có đơn xét xử vắng mặt, xét thấy chị X đã có lời khai đầy đủ, việc vắng mặt không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Trong giai đoạn điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo trong giai đoạn điều tra, phù hợp với các chứng cứ tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có lời khai bổ sung. Như vậy, có đủ cơ sở khẳng định: Từ tối ngày 20/10/2020 đến rạng sáng ngày 21/10/2020 các bị cáo Tần Dâu Q, Vàng Mí S đã thực hiện hành vi trộm cắp 01 con bò của ông Lò Dìn Q trị giá 21.500.000đ. Hành vi nêu trên của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

[3] Vụ án mang tính chất ít nghiêm trọng nhưng hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp của công dân, gây mất an ninh trật tự tại địa phương. Bản thân bị cáo có hiểu biết đủ khả năng nhận thức về hành vi của mình, biết việc chiếm đoạt tài sản thuộc sở hữu của người khác là vi phạm pháp luật nhưng do xuất phát từ lòng tham, lười lao động, muốn hưởng thụ nên đã lén lút trộm cắp tài sản để tiêu sài cá nhân, các bị cáo phạm tội do lỗi cố ý. Do đó phải áp dụng một mức án nghiêm khắc, phù hợp với tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi bị cáo đã gây ra, cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đáp ứng được công tác đấu tranh phòng chống tội phạm trên địa bàn.

[4] Xét về vai trò của các bị cáo trong vụ án: Các bị cáo tham gia với vai trò đồng phạm nhưng là đồng phạm giản đơn, không có sự phân công vai trò cụ

thể trong việc phạm tội. Bị cáo Q là người khởi xướng và cũng trực tiếp tham gia trộm cắp tài sản, bị cáo S tích cực tham gia, khi lấy được tài sản các bị cáo đã mang tài sản xuống thành phố H tiêu thụ lấy tiền tiêu sài cá nhân.

[5] Xét về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với từng bị cáo Hội đồng xét xử thấy rằng:

[6] Về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng. Về nhân thân: Bị cáo S có nhân thân xấu, đã bị xét xử về tội mua bán người đã được xóa án tích.

[7] Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hai bị cáo đều thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình, có thái độ ăn năn hối cải, đều là người dân tộc thiểu số sống ở vùng đặc biệt khó khăn, bị cáo S là hộ nghèo, bị cáo Q phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên khi lượng hình cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo nhằm thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật. Về đề nghị của Viện kiểm sát về tội danh, hình phạt và các tình tiết giảm nhẹ đối với các bị cáo là có cơ sở để chấp nhận. Đối với đề nghị của người bào chữa có cơ sở để xem xét.

[8] Hai bị cáo hiện đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện Q, xét thấy cần tiếp tục quyết định tạm giam các bị cáo để đảm bảo cho công tác thi hành án theo quy định tại Điều 329 của Bộ luật tố tụng hình sự.

[9] Hình phạt bổ sung: Xét thấy hai bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, không có tài sản nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[10] Đối với chị Trần Thị X người mua thịt bò của các bị cáo Q và S nhưng trước khi mua thịt bò chị X không biết đó là thịt bò do Q và S trộm cắp nên không đề cập xử lý hình sự đối với chị X.

[11] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại yêu cầu các bị cáo phải bồi thường giá trị con bò là 25.000.000 đồng, các bị cáo nhất trí. Tuy nhiên cần tuyên trả cho bị hại số tiền mà các bị cáo đã giao nộp. Cụ thể: Bị cáo Q: 3,5 triệu đồng, bị cáo S: 01 triệu đồng. Hội đồng xét xử cần buộc hai bị cáo phải bồi thường cho bị hại số tiền còn lại. Cụ thể bị cáo Q bồi thường 9.000.000,đ; bị cáo S bồi thường 11.500.000,đ

[12] Về xử lý vật chứng: Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát và người bào chữa đề nghị trả lại 02 xe máy và 02 điện thoại cho các bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng đây là phương tiện, công cụ các bị cáo sử dụng vào việc thực hiện hành vi phạm tội nên cần tịch thu sung vào ngân sách nhà nước. Cần áp dụng khoản 1, khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự, khoản 1, khoản 2 khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự. Tịch thu nộp vào ngân sách nhà nước: 01 chiếc điện thoại Nokia, 01 chiếc điện thoại Masstel, 01 xe mô tô nhãn hiệu Wave alpha (honda) BKS: 23L1-033.71 của Tần Dầu Q; 01 xe mô tô nhãn hiệu Lifan, loại xe win, BKS: 23N1-03260 của Vàng Mí S và 01 giấy đăng ký xe mô tô mang tên Hầu Mí T. Trả lại 01 chiếc điện thoại Iphone(s) cho Tần Thị L. Tịch thu tiêu hủy 01 dây thừng; 03 dây cao su; 02 dao bằng kim loại (đều qua sử dụng); 01 đèn pin màu đen (dạng đèn đội đầu). Tịch thu số tiền 4.500.000,đ để trả cho bị hại.

[13] Về án phí: Các bị cáo được miễn án phí hình sự sơ thẩm và án phí có giá ngạch.

[13] Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Tuyên bố bị cáo Tần Dâu Q, Vàng Mí S phạm tội “Trộm cắp tài sản”.
- Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 58 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Tần Dâu Q 12 ( mười hai ) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 21/10/2020.
- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 58 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Vàng Mí S 15 (mười lăm ) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 22/10/2020.

Tiếp tục tạm giam các bị cáo để đảm bảo thi hành án.

- Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự và Điều 587, Điều 589 Bộ luật dân sự. Buộc các bị cáo: Tần Dâu Q phải bồi thường cho ông Lò Dìn Q 9.000.000,đ ( Chín triệu đồng); Vàng Mí S phải bồi thường cho ông Lò Dìn Q 11.500.000,đ ( Mười một triệu năm trăm nghìn đồng)

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu các bị cáo không thanh toán số tiền trên thì hàng tháng bị cáo còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chưa thi hành án theo mức lãi suất qui định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

- Về vật chứng: Áp dụng khoản 1, khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự và khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Tuyên trả lại 01 chiếc điện thoại Iphone(s) cho cháu Tần Thị L.

Tịch thu nộp ngân sách nhà nước: 01 chiếc điện thoại Nokia; 01 chiếc điện thoại Masstel ,01 xe mô tô nhãn hiệu Wave alpha (honda) BKS: 23L1-033.71 màu sơn đen bạc; 01 xe mô tô nhãn hiệu Lifan, loại xe win màu sơn đen, BKS: 23N1-03260 và 01 giấy đăng ký xe mô tô mang tên Hầu Mí T.

Tịch thu tiêu hủy:

- 01 dây thừng chiều dài 3,7m; 01 dây cao su kích thước 22x3cm; 01 dây cao su màu đen, kích thước dài 4,38m, rộng 0,8cm, dày 0,8cm; 01 dây cao su màu đen kích thước dài 4,95m, rộng 1cm, dày 0,3cm, một đầu gắn móc bằng kim loại; 01 con dao màu đen bằng kim loại, đã qua sử dụng, dài 40cm, bản rộng nhất 6cm, chuôi dao liền; 01 con dao bằng kim loại màu trắng, đã qua sử dụng, chiều dài 32cm; chiều rộng, bản dao: 09cm; phần chuôi dao ốp bằng gỗ có chiều dài 12cm; trên bản dao sát về phía đầu có 01 lỗ tròn đường kính 01cm; 01 đèn pin màu đen, đã qua sử dụng, dạng đèn đội đầu có 03 dây dẫn màu đen.

Tịch thu số tiền: 4.500.000,đ (bốn triệu năm trăm nghìn đồng) để trả cho cho ông Lò Dìn Q.

Tình trạng vật chứng như biên bản bàn giao giữa công an huyện Q và Chi cục Thi hành án huyện Q ngày 06/01/2021.

Căn cứ khoản 2 điều 135 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội qui định về án phí, lệ phí Tòa án, bị cáo Tần Dâu Q, Vàng Mí S được miễn án phí hình sự sơ thẩm.



- Căn cứ Điều 331, Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự, bị cáo, bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6,7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh;
- Sở Tư pháp tỉnh;
- VKSND huyện QB + VKSND tỉnh HG;
- Chi cục THADS huyện QB;
- CQĐT+ CQTHAHS Công an QB;
- Phòng PV06, PC 10 Công an tỉnh HG;
- Bị cáo, bị hại;
- UBND các xã: Quyết Tiến, Tả Lũng.
- Lưu HS VA+HSTHAPT.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Cao Danh Nhân**